TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 –VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vũ.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sỉ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2025/TLST-DS ngày 20/6/2025 về tranh chấp"*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-DS ngày 13/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Đại diện theo uỷ quyền của bà M: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966. Địa chỉ: số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số H, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/6/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị M là bà Đào Hồng V trình bày:

Vào ngày 10/10/2024 bà Bùi Thị T có vay của bà Lê Thị M số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định là 2%/tháng, thời hạn vay 02 tháng tức là đến ngày 10/12/2024 là hoàn vốn. Lúc đó, bà T nói với bà M mục đích vay tiền là để hùn vốn trồng sắn với người khác và khi vay bà T có ký tên, viết họ và tên và có điểm chỉ vào hợp đồng vay tiền với bà M. Từ khi vay đến nay bà T không có đóng lãi và cũng không trả vốn khi đến hạn. Thời gian qua bà M có nhiều lần yêu cầu bà T trả lãi và trả vốn nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả khoản tiền nào.

Nay bà M yêu cầu bà Bùi Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Bà M rút lại yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Đối với yêu cầu của bà T xin được trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ thì bà M không đồng ý.

Tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà thừa nhận có ký vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/10/2024 và hiện nay còn nợ bà Lê Thị M số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng nhưng đến nay chưa trả cho bà M.

Bà đồng ý trả cho bà M số tiền này nhưng hiện nay hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, thời gian bắt đầu trả từ tháng 9/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị M tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Bùi Thị T, do bị đơn sinh sống tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị M với bà Bùi Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Lê Thị M có cung cấp cho Toà án Bản chính Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/10/2024 có nội dung thể hiện bà Bùi Thị T có vay số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, thời hạn vay đến ngày 10/12/2024, mục đích vay hùng vốn trồng sắn có chữ ký xác nhận nợ của bà Bùi Thị T.

Tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị T thừa nhận có ký Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/10/2024 và thừa nhận còn nợ bà M số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà M được bà T thừa nhận nợ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà M không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà.

Về lãi suất: bà M rút lại yêu cầu tính lãi số tiền 70.000.000 đồng từ ngày Toà án thụ lý giải quyết đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1,66%/tháng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này.

Đối với yêu cầu xin trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng của bà T không được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Buộc bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên buộc bà T có nghĩa vụ nộp số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Buộc bị đơn bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi số tiền 70.000.000 đồng từ ngày Toà án thụ lý giải quyết đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1,66%/tháng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 (Một triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012414, ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long)

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Vũ **Phan Thị Cẩm Hồng** **Nguyễn Hữu Lộc**